

CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ



QUY TRÌNH
THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNH

MÃ SỐ : QT.QLKCHT.01
LẦN BAN HÀNH : 05
NGÀY BAN HÀNH : 08/4/2025

Huế, tháng 4/2025

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNH	Mã số: QT.QLKCHT.01 Lần ban hành 05 Ngày ban hành: 08/4/2025
---	--	---

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI ÁP DỤNG
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Phan Văn Thành	Lê Xuân Hoà	Đinh Quang Đăng
Chữ ký			
Chức vụ	Trưởng phòng QLKCHT	Phó Giám đốc	Giám đốc



QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNH

Mã số: QT.QLKCHT.01

Lần ban hành 05

Ngày ban hành: 08/4/2025

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

[illegible]

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNH	Mã số: QT.QLKCHT.01 Lần ban hành 05 Ngày ban hành: 08/4/2025
---	--	---

1. MỤC ĐÍCH

Quy trình này thống nhất biểu mẫu, trình tự thực hiện trong việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính tàu biển nhập cảnh, nhằm nâng cao trách nhiệm của viên chức cảng vụ, rút ngắn thời gian làm thủ tục và góp phần vào chương trình cải cách hành chính nhà nước ngày càng hiệu quả hơn.

2. PHẠM VI

Quy trình này áp dụng đối với Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế trong việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính tàu biển nhập cảnh tại vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015.
- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.
- Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải.
- Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải.
- Thông tư số 90/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải và Thông tư số 17/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 hướng dẫn thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí hàng hải.
- Thông tư số 74/2021/TT-BTC ngày 27/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải.
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

4.1. Định nghĩa và giải thích từ ngữ

4.1.1. Định nghĩa: Không áp dụng.

4.1.2. Giải thích từ ngữ:

- Người làm thủ tục: chủ tàu hoặc người quản lý tàu, người thuê tàu, người khai thác tàu, thuyền trưởng hoặc người được ủy quyền thực hiện việc khai báo và làm thủ tục theo quy định với các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biển.

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNG	Mã số: QT.QLKCHT.01 Lần ban hành 05 Ngày ban hành: 08/4/2025
---	--	---

- Viên chức trực ban: là viên chức được phân công tiếp nhận, tham mưu giải quyết những công việc liên quan đến hoạt động hàng hải trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế.

- Viên chức thủ tục: là viên chức được phân công tiếp nhận, tham mưu giải quyết thủ tục tàu thuyền đến và rời cảng trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế.

- Kế toán thu phí: là viên chức được phân công thu phí, lệ phí hàng hải của tàu thuyền hoạt động trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế.

- Lãnh đạo phòng: là Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Quản lý kết cấu hạ tầng hoặc Trưởng Đại diện, Phó Trưởng các Đại diện trực thuộc Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế.

- Lãnh đạo đơn vị: Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách trực tiếp, người được ủy quyền.

- Website đơn vị: là Cổng thông tin điện tử của Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: cangvuhanghaithuathienhue.gov.vn

4.2. Chữ viết tắt

- ND58: Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ.
- ND74: Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ.
- TT261: Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- TT90: Thông tư số 90/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- TT74: Thông tư số 74/2021/TT-BTC ngày 27/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- CVHHTTH: Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế.
- CQQLNNCN: Cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành.
- NLTT: Người làm thủ tục.
- BKC: Bản khai chung.
- TBTĐ: Thông báo tàu đến cảng.
- XBTĐ: Xác báo tàu đến cảng.
- DSTV: Danh sách thuyền viên.

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNH	Mã số: QT.QLKCHT.01 Lần ban hành 05 Ngày ban hành: 08/4/2025
---	--	---

- DSHK: Danh sách hành khách.
- BKAN: Bản khai an ninh tàu biển.
- BKHHNH: Bản khai hàng hóa nguy hiểm.
- GPRC: Giấy phép rời cảng.
- TBNC: Tàu biển nhập cảnh.
- KHĐĐ: Kế hoạch điều động tàu thuyền.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015. - Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải. - Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải. - Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải. - Thông tư số 90/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải và Thông tư số 17/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 hướng dẫn thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí hàng hải. - Thông tư số 74/2021/TT-BTC ngày 27/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải.
--

5.2. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Bản khai an ninh tàu biển (nếu có theo quy định)	01	
2	Thông báo tàu đến cảng		
3	Xác báo tàu đến cảng (nếu có theo quy định)		
4	Bản khai chung		Bản chính
5	Danh sách thuyền viên		Bản chính
6	Danh sách hành khách (nếu có)		Bản chính
7	Bản khai hàng hóa nguy hiểm (nếu có)		Bản chính
8	Giấy phép rời cảng (không cần nếu có giấy phép rời cảng điện tử trên CMCQG)		Bản chính

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỦA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNH	Mã số: QT.QLKCHT.01 Lần ban hành 05 Ngày ban hành: 08/4/2025
---	--	---

5.3. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

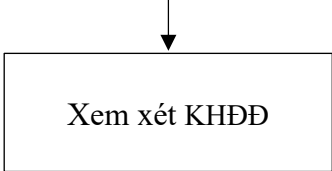
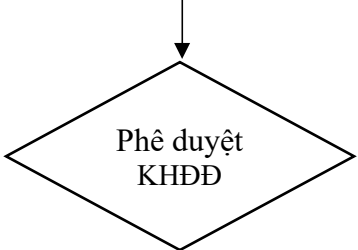
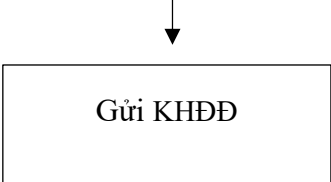
Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
- Khu vực Thuận An: Trụ sở CVHHTTH - Khu vực Chân Mây: Văn phòng Đại diện Chân Mây. - Khu vực Cửa Việt: Văn phòng Đại diện Cửa Việt. - Khu vực Cồn Cỏ: Văn phòng Đại diện Cồn Cỏ. - Tại tàu: đối với tàu du lịch; tàu biển đến từ những khu vực có dịch bệnh liên quan đến người, động vật hoặc thực vật; có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc đủ cơ sở để nghi ngờ tính xác thực của việc khai báo. - Hệ thống dịch vụ công trực tuyến tàu thuyền vào rời cảng biển nếu thực hiện hồ sơ bằng thủ tục điện tử.	- Trên cơ sở thông báo, xác báo tàu đến cảng, chậm nhất 02 giờ trước khi tàu biển đến vị trí dự kiến đến cảng Giám đốc Cảng vụ hàng hải căn cứ điều kiện thực tế, thông số kỹ thuật của tàu, loại hàng, kế hoạch điều độ của cảng, kế hoạch dân tàu của tổ chức hoa tiêu và ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước để xem xét quyết định chấp thuận cho tàu vào cảng thông qua Kế hoạch điều động. - Chậm nhất 01 giờ, kể từ khi người làm thủ tục đã nộp, xuất trình đủ các giấy tờ theo quy định, các cơ quan quản lý nhà nước xử lý, giải quyết thủ tục chuyên ngành và thông báo cho Cảng vụ hàng hải biết kết quả và Cảng vụ hoàn thành thủ tục tàu biển nhập cảnh; trường hợp tàu biển chưa hoàn thành thủ tục phải thông báo và nêu rõ lý do.	TT261; TT90; TT74

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNG	Mã số: QT.QLKCHT.01 Lần ban hành 05 Ngày ban hành: 08/4/2025
---	--	---

5.4. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B1	Gửi BKANTB	NLTT	Trước 24 giờ khi tàu dự kiến đến vị trí dự kiến đến cảng	BM.QLKCHT01.BKAN	Gửi BKANTB đối với tàu biển chở hàng có tổng dung tích từ 500 trở lên, tàu chở khách và giàn khoan di động ngoài khơi hoạt động tuyến quốc tế
B2	↓ Gửi TBTĐ, XBTĐ	NLTT	Trước 08 giờ khi tàu đến vị trí dự kiến đến cảng	BM.QLKCHT01.BKC BM.QLKCHT01.XBTĐ	- Gửi TBTĐ chậm nhất trước 08 giờ trước khi tàu đến vị trí dự kiến đến cảng; - Tàu đến vị trí dự kiến đến cảng sớm hoặc muộn hơn 02 giờ so với thời gian trong thông báo tàu đến cảng biển phải thực hiện XBTĐ.
			Trước 02 giờ khi tàu đến vị trí dự kiến đến cảng		- Gửi TBTĐ chậm nhất trước 02 giờ trước khi tàu đến vị trí dự kiến đến cảng trường hợp tàu thuyền di chuyển giữa các cảng biển Việt Nam hoặc khu vực hàng hải không quá 20 hải lý. - Tàu đến vị trí dự kiến đến cảng sớm hoặc muộn hơn 02 giờ so với thời gian trong thông báo tàu đến cảng biển phải thực hiện XBTĐ.
B3	↓ Tiếp nhận TBTĐ, XBTĐ	Viên chức trực ban	02 giờ	BM.QLKCHT01.KHĐĐ BM.QLKCHT01.BSHS BM.QLKCHT01.TCHS BM.QLKCHT01.KSHS	- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, yêu cầu NLTT bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do. Chuyển lại bước 2.

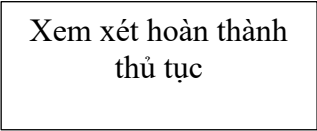
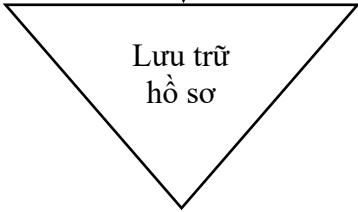
 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNH	Mã số: QT.QLKCHT.01 Lần ban hành 05 Ngày ban hành: 08/4/2025
---	--	---

					- Trường hợp chấp thuận tàu đến cảng, chậm nhất 02 giờ từ lúc nhận TBTĐ, lập KHĐĐ chuyển lãnh đạo phòng xem xét.
B4		Lãnh đạo phòng	Trước 02 giờ khi tàu đến vị trí dự kiến đến cảng biển	BM.QLKCHT01.KHĐĐ	Xem xét KHĐĐ, trình Lãnh đạo đơn vị: - Nếu đồng ý trình Lãnh đạo đơn vị xem xét. - Nếu không đồng ý: Chuyển lại bước 3.
B5		Lãnh đạo đơn vị		BM.QLKCHT01.KHĐĐ	Xem xét, kiểm tra KHĐĐ: - Nếu đồng ý: Ký duyệt KHĐĐ; - Nếu không đồng ý: Chuyển lại Lãnh đạo Phòng xử lý.
B6		Viên chức trực ban		BM.QLKCHT01.KHĐĐ	- Gửi KHĐĐ cho tàu - Cập nhật lên Website đơn vị

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNG	Mã số: QT.QLKCHT.01 Lần ban hành 05 Ngày ban hành: 08/4/2025
---	--	---

B7	↓ Nộp hồ sơ thủ tục TBNC	NLTT	Chậm nhất 02 giờ kể từ khi tàu đã vào neo đậu tại cầu cảng hoặc 04 giờ kể từ khi tàu đã vào neo đậu tại các trí khác trong vùng nước cảng	BM.QLKCHT01.BKC BM.QLKCHT01.DSTV BM.QLKCHT01.DSHK BM.QLKCHT01.HHNH	Chậm nhất 02 giờ kể từ khi tàu đã vào neo đậu tại cầu cảng hoặc 04 giờ kể từ khi tàu đã vào neo đậu tại các trí khác trong vùng nước cảng theo KHĐĐ, NLTT nộp, xuất trình các giấy tờ, tài liệu thủ tục TBNC theo quy định tại NĐ58 và NĐ74
B8	↓ Tiếp nhận và xử lý hồ sơ	Viên chức thủ tục	30 phút	BM.QLKCHT01.BSHS BM.QLKCHT01.TCTN BM.QLKCHT01.GBTP BM.QLKCHT01.KSHS BM.QLKCHT01.KQTT	- Kiểm tra hồ sơ và các giấy tờ trên hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử liên quan theo quy định tại NĐ58 và NĐ74. Trường hợp các giấy tờ cần xuất trình không có trên hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử, đề nghị người làm thủ tục cung cấp. - Hồ sơ đầy đủ, lập GBTP chuyển Kế toán thu phí (trường hợp phải thu phí, lệ phí hàng hải 01 lượt đến). - Sau khi có kết quả giải quyết thủ tục của CQQLNNCN, chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo phòng xem xét. - Hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung hoặc từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do. Chuyển lại bước 7.
		Kế toán thu phí			Căn cứ GBTP (nếu có), Kế toán thu phí tính phí, lệ phí hàng hải cho tàu và thông báo kết quả thu phí, lệ phí hàng hải cho viên chức thủ tục

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNH	Mã số: QT.QLKCHT.01 Lần ban hành 05 Ngày ban hành: 08/4/2025
---	--	---

B9		Lãnh đạo phòng	10 phút	BM.QLKCHT01.KSHS BM.QLKCHT01.KQTT	Xem xét hồ sơ: - Nếu đồng ý, cho phép hoàn thành thủ tục. - Nếu không đồng ý: Chuyển lại bước 8.
B10		Viên chức thủ tục	10 phút	BM.QLKCHT01.KQTT BM.QLKCHT01.STD	- Thông báo kết quả giải quyết hoàn thành thủ tục cho NLTT - Trường hợp gửi trực tiếp, đề nghị NLTT ký tên xác nhận vào Sổ theo dõi xử lý hồ sơ
B11		Viên chức thủ tục	10 phút	BM.QLKCHT01.DMHS	Ghi chép hồ sơ tàu vào các sổ sách, bảng biểu, phần mềm theo dõi tàu của cơ quan và lưu hồ sơ theo quy định.
Lưu ý	Trường hợp quá hạn giải quyết, viên chức thủ tục lập phiếu xin lỗi và hẹn ngày trả kết quả theo Biểu mẫu BM.QLKCHT01.PXL, trong đó ghi rõ lý do quá hạn, thời gian hẹn trả kết quả và thực hiện không quá 01 lần.				

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNH	Mã số: QT.QLKCHT.01 Lần ban hành 05 Ngày ban hành: 08/4/2025
---	--	---

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM.QLKCHT01.BKAN	Bản khai an ninh tàu biển
2	BM.QLKCHT01.BKC	Thông báo tàu đến cảng, Bản khai chung
3	BM.QLKCHT01.XBTĐ	Xác báo tàu đến cảng
4	BM.QLKCHT01.KHĐĐ	Kế hoạch điều động tàu thuyền
5	BM.QLKCHT01.DSTV	Danh sách thuyền viên
6	BM.QLKCHT01.DSHK	Danh sách hành khách
7	BM.QLKCHT01.HHNH	Bản khai hàng hóa nguy hiểm
8	BM.QLKCHT01.GBTP	Giấy báo tính phí
9	BM.QLKCHT01.KQTT	Thông báo kết quả giải quyết thủ tục tàu thuyền
10	BM.QLKCHT01.BSHS	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
11	BM.QLKCHT01.TCHS	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
12	BM.QLKCHT01.PXL	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả
13	BM.QLKCHT01.KSHS	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
14	BM.QLKCHT01.STD	Sổ theo dõi hồ sơ
15	BM.QLKCHT01.DMHS	Danh mục hồ sơ

7. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Hồ sơ lưu
1	Bản khai an ninh tàu biển
2	Thông báo tàu đến cảng
3	Xác báo tàu đến cảng (nếu có)
4	Bản khai chung

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỦA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNH	Mã số: QT.QLKCHT.01 Lần ban hành 05 Ngày ban hành: 08/4/2025
---	--	---

5	Danh sách thuyền viên
6	Danh sách hành khách (nếu có)
7	Bản khai hàng hóa nguy hiểm (nếu có)
8	Giấy phép rời cảng
9	Kế hoạch điều động tàu thuyền
10	Giấy báo tính phí (nếu có)
11	Thông báo kết quả giải quyết thủ tục tàu thuyền
12	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
13	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu có)
14	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (nếu có)
15	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
16	Danh mục hồ sơ
- Hồ sơ thủ tục điện tử được lưu trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến tàu thuyền vào rời cảng biển. - Hồ sơ giấy được lưu tại đơn vị xử lý chính, trực tiếp, thời gian lưu theo quy định. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống Phòng TCHC của cơ quan và lưu trữ theo quy định hiện hành. - Trường hợp dừng thủ tục điện tử để làm giấy, các hồ sơ điện tử đã xử lý được lưu trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến tàu thuyền vào rời cảng biển, các hồ sơ giải quyết bằng giấy được lưu tiếp tục theo hồ sơ giấy và ghi mã bản khai đã được lưu trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến tàu thuyền vào rời cảng biển. - Đối với Hồ sơ thủ tục giấy, Sổ theo dõi giải quyết thủ tục hành chính được lập và lưu theo nhóm lĩnh vực thủ tục hành chính tàu thuyền vào, rời cảng (bao gồm phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB).	

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỦA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNH	Mã số: QT.QLKCHT.01
		Lần ban hành 05
		Ngày ban hành: 08/4/2025

Biểu mẫu BM.QLKCHT01.BKAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Socialist

Republic of Vietnam Independence -

Freedom - Happiness

**BẢN KHAI AN NINH TÀU BIỂN
SHIP'S SECURITY NOTIFICATION**

1. Tên tàu: Name of ship		2. Quốc tịch tàu Flag state of ship	3. Hô hiệu Call-Sign
4. Tổng dung tích Gross tonnage	5. Loại tàu: Type of ship	6. Số lượng thuyền viên: No.of crew	
7. Thời gian dự kiến đến cảng: ETA:		8. Số IMO: IMO No.	
9. Mục đích đến cảng: Bốc/Dỡ/Tiếp nhiên liệu/Sửa chữa/Mục đích khác (gạch bỏ từ thích hợp) Purpose of Call: Loading / Discharging / Bunkering / Shipyard / Others (Delete as appropriate) Nếu là mục đích khác nêu rõ: If others, please specify purpose:			
10. Tên khu vực neo đậu hoặc cầu cảng mà tàu sẽ đến: Name of anchorage or port facility your ship in bound for:			
11. Tên Đại lý tàu Name of Ship Agent in Vietnam: Tel No: Fax No:			
12. Tàu có GCN quốc tế về an ninh tàu biển (ISSC) không? Does your ship possess a valid International Ship Security Certificate (ISSC)? Có/Không (gạch bỏ từ thích hợp) Yes/No (Delete as appropriate) Nếu câu trả lời là "Có" thì nêu chi tiết tại các câu hỏi 13, 14 If answer if 'Yes' give details in Q13 and Q14.			
13. Tên cơ quan cấp ISSC: Name of issuing authority for the ISSC			
14. Ngày cấp ISSC Date of issue of the ISSC		15. Ngày ISSC hết hạn: Date of expiry of the ISSC	
16. Cấp độ an ninh hiện tại của tàu: Current security level of the ship			
17. Mười cảng mà tàu đã ghé vào gần nhất, ngày đến, ngày đi và cấp độ an ninh tàu đã áp dụng khi thực hiện giao tiếp giữa tàu biển và cảng biển: Last 10 ports of call, including arrival / departure dates and the security level at which the ship operated at these ports where it has conducted a ship / port interface			
Cảng	Ngày đến	Ngày đi	Cấp độ an ninh

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỦA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNH	Mã số: QT.QLKCHT.01 Lần ban hành 05 Ngày ban hành: 08/4/2025
---	--	---

Port	Arrival	Departure	Security Level
18. Trong thời gian thực hiện bất kỳ giao tiếp giữa tàu biển và cảng biển được đề cập tại câu hỏi 17 trên đây, tàu biển có áp dụng biện pháp an ninh đặc biệt hoặc biện pháp an ninh bổ sung nào không? Were there any special or additional security measures taken during any ship/port interface at the ports mentioned in Q17? Có/Không (gạch bỏ từ thích hợp) Yes/No (Delete as appropriate) Nếu câu trả lời là “Có” thì nêu chi tiết; If answer is “Yes”, give detail:			
19. Trong thời gian thực hiện bất kỳ giao tiếp giữa tàu biển và tàu biển được đề cập tại câu hỏi 17 trên đây, tàu biển có duy trì biện pháp an ninh thích hợp không? Were there appropriate ship security measures maintained during any ship-to-ship activity interface at the ports mentioned in Q17? Có/Không (gạch bỏ từ thích hợp) Yes/No (Delete as appropriate) Nếu câu trả lời là “Có” thì nêu chi tiết: If answer is “Yes”, give detail:			
Chữ ký của thuyền trưởng/Chủ tàu/Đại lý tàu:..... Signature of Master/Shipowner/Agent Họ tên của thuyền trưởng/Chủ tàu/Đại lý tàu:..... Name of master/Shipowner/Agent			
Vị trí hiện tại: Vĩ độ.....; Kinh độ:..... Present position: Latitude Longitude			

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỦA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNH	Mã số: QT.QLKCHT.01
		Lần ban hành 05
		Ngày ban hành: 08/4/2025

Biểu mẫu BM.QLKCHT01.BKC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom – Happiness

BẢN KHAI CHUNG
GENERAL DECLARATION

		Đến Arrival	Rời Departure
1.1 Tên và loại tàu: Name and type of ship		2. Cảng đến/rời Port of arrival/departure	3. Thời gian đến/rời cảng Date - time of arrival/departure
1.2 Số IMO: / IMO number			
1.3 Hộ hiệu: / Call sign			
1.4 Số đăng ký hành chính: Official number			
1.5 Số chuyến đi: Voyage number			
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship	5. Tên thuyền trưởng: Name of master	6. Cảng rời cuối cùng/cảng đích: Last port of call/next port of call	
7. Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng): Certificate of registry (Number, date, Port)		8. Tên và địa chỉ liên lạc của người làm thủ tục: Name and contact details of the procurer	
9. Tổng dung tích: Gross tonnage	10. Trọng tải toàn phần: Deadweight (DWT)		
11. Số đăng kiểm Registry number			
12. Đặc điểm chính của chuyến đi: Brief particulars of voyage Các cảng trước: Previous ports of call Các cảng sẽ đến: Subsequent ports of call Các cảng sẽ dỡ hàng: Ports where remaining cargo will be discharged Số hàng còn lại: Remaining cargo			
13. Thông tin về hàng hóa vận chuyển trên tàu: Description of the cargo			
Loại hàng hóa Kind of cargo	Tên hàng hóa Cargo name	Số lượng hàng hóa The quantity of cargo	Đơn vị tính Unit
Xuất khẩu Export cargo			
.....			
Nhập khẩu Import cargo			
....			
Nội địa Domestic cargo			
...			

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNH	Mã số: QT.QLKCHT.01
		Lần ban hành 05
		Ngày ban hành: 08/4/2025

Hàng trung chuyển Transshipment cargo				
.....				
Thông tin về hàng hóa quá cảnh Description of the cargo in transit				
Loại hàng Kind of cargo	Tên hàng hóa Cargo name	Số lượng hàng hóa The quantity of cargo	Số lượng hàng hóa quá cảnh xếp dỡ tại cảng The quantity of cargo in transit loading, discharging	Đơn vị tính Unit
Hàng quá cảnh xếp dỡ tại cảng The quantity of cargo in transit loading, discharging at port				
...				
Hàng quá cảnh không xếp dỡ The quantity of cargo in transit				
...				
14. Số thuyền viên (gồm cả thuyền trưởng) Number of crew (incl. master)	15. Số hành khách Number of passengers	16. Ghi chú: Remarks - Mớn nước mũi, lái: Draft F/A - Chiều dài lớn nhất: LOA - Chiều rộng lớn nhất: Breadth - Chiều cao tính không: Air draft - Loại nhiên liệu sử dụng trên tàu: Type of fuel - Lượng nhiên liệu trên tàu: Remain on board (R.O.B) - Tên và địa chỉ chủ tàu: Name and address of the shipowners Các thông tin cần thiết khác (nếu có) And others (If any)		
Tài liệu đính kèm (ghi rõ số bản) Attached documents (indicate number of copies)				
17. Bản khai hàng hóa: Cargo Declaration	18. Bản khai dự trữ của tàu Ship's Stores Declaration			
19. Danh sách thuyền viên Crew List	20. Danh sách hành khách Passenger List	21. Yêu cầu về phương tiện tiếp nhận và xử lý chất thải The ship's requirements in terms of waste and residue reception facilities		
22. Bản khai hành lý thuyền viên(*) Crew's Effects Declaration(*)	23. Bản khai kiểm dịch y tế (*) Maritime Declaration of Health(*)			
24. Mã số Giấy phép rời cảng (*) Number of port clearance				

.....ngày ... tháng... năm ...

Date

Thuyền trưởng (đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)

Master (or authorized agent or officer)

Ghi chú:
Note:
(*) Mục này chỉ khai khi tàu đến cảng.
Only on arrival.
Mục 1.2 và 1.3 chỉ khai đối với tàu biển.
No 1.2 and 1.3: Only for ships.
Mục 1.4 và 11 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.
No 1.4 and 11: Only for inland waterway ships.

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNH	Mã số: QT.QLKCHT.01 Lần ban hành 05 Ngày ban hành: 08/4/2025
---	---	--

Biểu mẫu BM.QLKCHT01.XBTD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom – Happiness

XÁC BÁO TÀU ĐẾN CẢNG (QUÁ CẢNH)
CONFIRMATION OF ARRIVAL OF VESSEL AT THE PORT (TRANSIT)

1. Tên và loại tàu: Name and type of ship		4. Cảng đến Port of arrival	5. Thời gian đến Time of arrival
2. Số IMO: IMO number			
3. Hô hiệu: Call sign			
6. Số đăng ký hành chính: Official number			
7 Số đăng kiểm: Registry number			
8. Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng): Certificate of registry (Number, date, Port)			
9. Quốc tịch tàu Flag State of ship			
10. Tình trạng người trên tàu			
Người ốm (nếu có) Ill person (If any) Tên: Name: Tuổi: Age: Quốc tịch(*): National:	Người chết (nếu có) Dead person (If any) Tên: Name: Tuổi: Age: Quốc tịch(*): National:	Người cứu vớt được trên biển (nếu có) Rescued person (If any) Tên: Name: Tuổi: Age: Quốc tịch(*): National:	Người trốn trên tàu (nếu có) Stow away (If any) Tên: Name: Tuổi: Age: Quốc tịch(*): National:
Số định danh cá nhân /CMND: Personal identification number: Tình trạng bệnh tật: Illness status	Số định danh cá nhân/CMND: Personal identification number: Tình trạng bệnh tật: Illness status Lý do tử vong: Reason of dead	Số định danh cá nhân/CMND: Personal identification number:	Số định danh cá nhân/CMND: Personal identification number:

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNH	Mã số: QT.QLKCHT.01 Lần ban hành 05 Ngày ban hành: 08/4/2025
---	--	---

Các yêu cầu liên quan khác Relevant requirements

..., ngày ... tháng ... năm...

Date

**Thuyền trưởng (hoặc đại lý)
Master (or authorized agent)**

Ghi chú:

Note:

Mục 2 và 3 chỉ khai đối với tàu biển.

No 2 and 3: Only for ships.

Mục 6 và 7 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.

No 6 and 7: Only for inland waterway ships.

(*) Mục này chỉ khai đối với người nước ngoài.

Only for foreigner.

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNH	Mã số: QT.QLKCHT.01 Lần ban hành 05 Ngày ban hành: 08/4/2025
---	---	--

Biểu mẫu BM.QLKCHT01.KHDD

CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐIỀU ĐỘNG TÀU THUYỀN

I. KẾ HOẠCH TÀU ĐẾN CẢNG

Thời gian <i>Time</i>	Tên tàu <i>Name of ship</i>	Mớn nước <i>Draft</i>	Chiều dài lớn nhất <i>LOA</i>	Trọng tải <i>DWT</i>	Tàu lai <i>Tug boat</i>	Tuyến luồng <i>Chanel</i>	Từ <i>From</i>	Đến <i>To</i>	Đại lý <i>Agent</i>

II. KẾ HOẠCH TÀU DI CHUYỂN

Thời gian <i>Time</i>	Tên tàu <i>Name of ship</i>	Mớn nước <i>Draft</i>	Chiều dài lớn nhất <i>LOA</i>	Trọng tải <i>DWT</i>	Tàu lai <i>Tug boat</i>	Tuyến luồng <i>Chanel</i>	Từ <i>From</i>	Đến <i>To</i>	Đại lý <i>Agent</i>

III. KẾ HOẠCH TÀU RỜI CẢNG

Thời gian <i>Time</i>	Tên tàu <i>Name of ship</i>	Mớn nước <i>Draft</i>	Chiều dài lớn nhất <i>LOA</i>	Trọng tải <i>DWT</i>	Tàu lai <i>Tug boat</i>	Tuyến luồng <i>Chanel</i>	Từ <i>From</i>	Đến <i>To</i>	Đại lý <i>Agent</i>

....., Ngày tháng năm 20....
GIÁM ĐỐC

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNH	Mã số: QT.QLKCHT.01
		Lần ban hành 05
		Ngày ban hành: 08/4/2025

Biểu mẫu BM.QLKCHT01.DSTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom – Happiness

**DANH SÁCH THUYỀN VIÊN
CREW LIST**

		Đến Arrival		Rời Departure	Trang số: Page No:
1.1 Tên tàu: Name of ship	2. Cảng đến/rời: Port of arrival/departure		3. Ngày đến/rời: Date of arrival/departure		
1.2 Số IMO: IMO number	1.3 Hô hiệu: Call sign		1.7 Số chuyến đi: Voyage number		
1.4 Số đăng kiểm: Registry number	1.5 Số đăng ký hành chính Official number				
1.6 Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng): Certificate of registry (Number, date, Port)					
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship		5. Cảng rời cuối cùng/cảng đích: Last port of call/port of destination			

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNH	Mã số: QT.QLKCHT.01 Lần ban hành 05 Ngày ban hành: 08/4/2025
---	---	--

STT No.	Họ và tên Family name, given name	Chức danh Rank of rating	Quốc tịch (*) Nationality	Ngày và nơi sinh (*) Date and place of birth	Loại và Số giấy tờ nhận dạng (Hộ chiếu của thuyền viên/ số định danh cá nhân/CMND) Nature and No. of identity document (seaman's passport/ Personal identification number)

..., ngày ... tháng... năm ...

Date.....

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master (Authorized agent or officer)

Ghi chú:

Note:

Mục 1.2 và 1.3 chỉ khai đối với tàu biển;

No 1.2 and 1.3: Only for ships.

Mục 1.4 và 1.5 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.

No 1.4 and 1.5: Only for inland waterway ships.

(*) Mục này chỉ khai đối với người nước ngoài.

Only for foreigner.

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNH	Mã số: QT.QLKCHT.01 Lần ban hành 05 Ngày ban hành: 08/4/2025
---	---	--

Biểu mẫu BM.QLKCHT01.DSHK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom – Happiness

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH
PASSENGER LIST

	Đến Arrival	Rời Departure	Trang số: Page No:
1.1 Tên tàu: Name of ship	2. Cảng đến/rời: Port of arrival/departure	3. Ngày đến/rời: Date of arrival/departure	
1.2 Số IMO: IMO number:	1.3 Hô hiệu: Call sign	1.7 Số chuyến đi: Voyage number	
1.4 Số đăng kiểm Registry number	1.5 Số đăng ký hành chính: Official number		
1.6 Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng): Certificate of registry (Number, date, Port)			
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship			

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNH	Mã số: QT.QLKCHT.01
		Lần ban hành 05
		Ngày ban hành: 08/4/2025

Họ và tên Family name, given name	Quốc tịch (*) Nationality	Ngày và nơi sinh (*) Date and place of birth	Loại Hộ chiếu Type of identity or travel document	Số hộ chiếu/số định danh cá nhân/CMND Serial number of identity or travel document /Personal identification number	Cảng lên tàu Port of embarkation	Cảng rời tàu Port of disembarkation	Hành khách quá cảnh hay không Transit passenger or not

...ngày... tháng năm ...

Date.....

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master (Authorized agent or officer)

Ghi chú:

Note:

Mục 1.2 và 1.3 chỉ khai đối với tàu biển;

No 1.2 and 1.3: Only for ships.

Mục 1.4 và 1.5 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.

No 1.4 and 1.5: Only for inland waterway ships.

(*) Mục này chỉ khai đối với người nước ngoài.

Only for foreigner.

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNH	Mã số: QT.QLKCHT.01 Lần ban hành 05 Ngày ban hành: 08/4/2025
---	--	---

Biểu mẫu BM.QLKCHT01.HHNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI HÀNG HÓA NGUY HIỂM DANGEROUS GOODS MANIFEST

1.1 Tên tàu Name of ship		1.2 Số IMO IMO Number		2. Quốc tịch tàu Flag state of ship		1.5 Tên thuyền trưởng: Master's Name					
1.3 Hô hiệu Call sign		3. Cảng nhận hàng Port of loading		4. Cảng trả hàng Port of discharge		1.6 Đại lý tàu biển: Shipping Agent					
1.4 Số chuyến đi: Voyage number											
5. Hợp đồng vận chuyển hàng hóa và mã số tham chiếu Booking/reference number	6. Ký hiệu và số kiện Marks & numbers container Id. NO(s) Vehicle Reg. No(s).	7. Số và loại bao kiện Number and kind of packages	8. Cty vận chuyển Proper shipping name	9. Loại hàng hóa Class	10. Số UN UN number	11. Nhóm hàng Packing group	12. Nhóm phụ số Subsidiary risk(s)	13. Điểm bốc cháy Flash point (In oC, c.c.)	14. Ô nhiễm biển Marine pollutant	15. Tổng khối lượng Mass (kg) Gross/Net	16. EmS

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNH	Mã số: QT.QLKCHT.01 Lần ban hành 05 Ngày ban hành: 08/4/2025
---	--	---

Thông tin bổ sung: Additional Information											

....., ngày ... tháng năm 20 ...
Date.....

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master (Authorized agent or officer)

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỦA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNH	Mã số: QT.QLKCHT.01
		Lần ban hành 05
		Ngày ban hành: 08/4/2025

Biểu mẫu BM.QLKCHT01.GBTP

GIẤY BÁO TÍNH PHÍ TẠI :

I. Phí, lệ phí Hàng hải: Lướt đến và rời ☐ Làm lại t.tục rời ☐

Tên tàu thuyền:.....; Quốc tịch:.....

Hồ hiệu:.....; GT:.....; DWT/TTT/HP/CV/KW/Ghế:.....

Loại: tàu hàng/tàu khách/tàu lai/tàu đặt cầu/sà lan/lash.

Biển ☐ Thủy ND ☐ Thủy nội địa VR-SB ☐

Cảng đến..... Cảng rời.....

Cảng đến t.theo:..... Đại lý:.....

Đến: ngày...../...../..... Rời: ngày...../...../.....

Chủ tàu/chủ hàng:.....

Mục đích đến cảng:..... Hành khách.....

Hàng: + Lượng hàng (xếp/dỡ):.....(T),Loại hàng:.....

+ Đến: Xuất nhập khẩu ☐ Nội địa ☐ Khác:..... ☐

+ Đi: Xuất nhập khẩu ☐ Nội địa ☐ Khác:..... ☐

TT	Thời gian neo đậu		Ghi chú (Nội/ngoại)
	Từ giờ, ngày	Đến giờ, ngày	

Số chuyến đến cảng trong tháng của tàu:.....

Số chuyến tàu khách cùng tổ chức, cá nhân đến cảng trong tháng:.....

* Ghi chú:.....

II. Phí chứng thực kháng nghị hàng hải: Số lần chứng thực

III. Phí khác:

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Bộ phận thu phí

Bộ phận báo thu

GIẤY BÁO TÍNH PHÍ TẠI :

I. Phí, lệ phí Hàng hải: Lướt đến và rời ☐ Làm lại t.tục rời ☐

Tên tàu thuyền:.....; Quốc tịch:.....

Hồ hiệu:.....; GT:.....; DWT/TTT/HP/CV/KW/Ghế:.....

Loại: tàu hàng/tàu khách/tàu lai/tàu đặt cầu/sà lan/lash.

Biển ☐ Thủy ND ☐ Thủy nội địa VR-SB ☐

Cảng đến..... Cảng rời.....

Cảng đến t.theo:..... Đại lý:.....

Đến: ngày...../...../..... Rời: ngày...../...../.....

Chủ tàu/chủ hàng:.....

Mục đích đến cảng:..... Hành khách.....

Hàng: + Lượng hàng (xếp/dỡ):.....(T),Loại hàng:.....

+ Đến: Xuất nhập khẩu ☐ Nội địa ☐ Khác:..... ☐

+ Đi: Xuất nhập khẩu ☐ Nội địa ☐ Khác:..... ☐

TT	Thời gian neo đậu		Ghi chú (Nội/ngoại)
	Từ giờ, ngày	Đến giờ, ngày	

Số chuyến đến cảng trong tháng của tàu:.....

Số chuyến tàu khách cùng tổ chức, cá nhân đến cảng trong tháng:.....

* Ghi chú:.....

II. Phí chứng thực kháng nghị hàng hải: Số lần chứng thực

III. Phí khác:

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Bộ phận thu phí

Bộ phận báo thu

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNG	Mã số: QT.QLKCHT.01
		Lần ban hành 05
		Ngày ban hành: 08/4/2025

Biểu mẫu BM.QLKCHT01.KQTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC TÀU THUYỀN KHU VỰC

I. THỦ TỤC TÀU THUYỀN ĐẾN CẢNG

1. Thông tin tàu đến cảng

Tên tàu:.....Tên thuyền trưởng:

Quốc tịch.....GRT:..... DWT..... Hàng hóa:.....

Số lượng thuyền viên:.....Số lượng hành khách:.....Cảng rời cuối cùng:.....

Hồ sơ, tài liệu tàu: Đầy đủ, phù hợp ☐ Chưa đầy đủ, phù hợp ☐

Ghi nội dung chưa đầy đủ, phù hợp (nếu có):

.....

.....

Hồ sơ, giấy tờ thuyền viên: Đầy đủ, phù hợp ☐ Chưa đầy đủ, phù hợp ☐

Ghi nội dung chưa đầy đủ, phù hợp (nếu có):

.....

.....

Thời gian tiếp nhận hồ sơ:.....

2. Thông báo kết quả thủ tục tàu đến cảng của các cơ quan chuyên ngành

Đã hoàn thành thủ tục tàu đến cảng lúc ...giờ.....ngày.....tháng.....năm 202..

Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế	Biên phòng CK cảng	Hải quan CK cảng	Kiểm dịch y tế
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

3. Ý kiến khác (ghi rõ nội dung nếu có):

.....

.....

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNG	Mã số: QT.QLKCHT.01
		Lần ban hành 05
		Ngày ban hành: 08/4/2025

II. THỦ TỤC TÀU THUYỀN RỜI CẢNG

1. Thông tin tàu rời cảng

Tên tàu:.....Tên thuyền trưởng:

Quốc tịch.....GRT:..... DWT..... Hàng hóa:.....

Số lượng thuyền viên:.....Số lượng hành khách:.....

Cảng đích:..... Thời gian tiếp nhận hồ sơ:.....

- Hồ sơ, tài liệu tàu thuyền thay đổi so với khi đến cảng: Có ☐ Không ☐

Ghi nội dung thay đổi (nếu có):

.....

.....

- Thay đổi thuyền viên, hành khách so với khi đến cảng: Có ☐ Không ☐

Ghi nội dung thay đổi (nếu có):

.....

2. Thông báo kết quả thủ tục tàu rời cảng của các cơ quan chuyên ngành

Đã hoàn thành thủ tục tàu rời cảng lúc ...giờ.....ngày.....tháng.....năm 202...

Cảng vụ Hàng hải
Thừa Thiên Huế

Biên phòng CK cảng
.....

Hải quan CK cảng
.....

Kiểm dịch
y tế

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

3. Ý kiến khác (ghi rõ nội dung nếu có):

.....

.....

.....

.....

 CĂNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNH	Mã số: QT.QLKCHT.01 Lần ban hành 05 Ngày ban hành: 08/4/2025
--	--	---

Biểu mẫu BM.QLKCHT01.BSHS

CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CĂNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../HDHS

Huế, ngày tháng năm 20

PHIẾU YÊU CẦU BỔ SUNG, HOÀN THIỆN HỒ SƠ

Hồ sơ của:.....

Nội dung yêu cầu giải quyết:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại..... Email:.....

Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ gồm những nội dung sau:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Lý do:.....

.....

Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nếu có vướng mắc, ông (bà) liên hệ với
..... số điện thoại..... để được hướng dẫn./.

NGƯỜI HƯỚNG DẪN

(Ký và ghi rõ họ tên)

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNH	Mã số: QT.QLKCHT.01 Lần ban hành 05 Ngày ban hành: 08/4/2025
--	--	---

Biểu mẫu BM.QLKCHT01.PXL

CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../PXL-CVHHTTH

Huế, ngày tháng năm 20

PHIẾU XIN LỖI VÀ HẸN LẠI NGÀY TRẢ KẾT QUẢ

Kính gửi:.....

Ngày.....tháng.....năm....., Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế tiếp nhận giải quyết hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính tàu biển nhập cảnh của Ông/Bà/Tổ chức.

Thời gian hẹn trả kết quả giải quyết hồ sơ:.....giờ....., ngày tháng.....năm.....

Tuy nhiên đến nay, Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế chưa trả kết quả giải quyết hồ sơ của Ông/Bà/Tổ chức đúng thời hạn quy định ghi trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả. Lý do:.....

Sự chậm trễ này đã gây phiền hà, tốn kém chi phí, công sức của Ông/Bà/Tổ chức.

Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế xin lỗi Ông/Bà/Tổ chức và sẽ trả kết quả giải quyết hồ sơ cho Ông/Bà/Tổ chức vào ngày.....tháng.....năm.....

Mong nhận được sự thông cảm của Ông/Bà/Tổ chức vì sự chậm trễ này./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNH	Mã số: QT.QLKCHT.01
		Lần ban hành 05
		Ngày ban hành: 08/4/2025

Biểu mẫu BM.QLKCHT.01.KSHS

CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KIỂM SOÁT QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT HỒ SƠ

Mã số hồ sơ:

Cơ quan (bộ phận) giải quyết hồ sơ:

Cơ quan phối hợp giải quyết hồ sơ:

TÊN CƠ QUAN	THỜI GIAN GIAO, NHẬN HỒ SƠ		KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ (Trước hạn/đúng hạn/quá hạn)	GHI CHÚ
1. Giao: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả:	...giờ.....phút, ngày.../.../...			
2. Nhận:	Người giao	Người nhận		
1. Giao:	...giờ.....phút, ngày.../.../...			
2. Nhận:	Người giao	Người nhận		
1. Giao:	...giờ.....phút, ngày.../.../...			
2. Nhận:	Người giao	Người nhận		
.....				
.....				
1. Giao:	...giờ.....phút, ngày.../.../...			
2. Nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả:	Người giao	Người nhận		

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNH	Mã số: QT.QLKCHT.01 Lần ban hành 05 Ngày ban hành: 08/4/2025
--	--	---

Biểu mẫu BM.QLKCHT01.STD

CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ THEO DÕI HỒ SƠ

*Lĩnh vực Thủ tục hành chính tàu thuyền vào, rời cảng
(bao gồm Phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB)
khu vực(*)*

STT	Mã hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Tên, tổ chức/cá nhân	Địa chỉ, số điện thoại	Nhận và trả kết quả				
					Nhận hồ sơ	Hẹn trả kết quả	Trả kết quả	Phương thức nhận kết quả	Ký nhận

Ghi chú:
(*): Theo từng khu vực thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỦA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN NHẬP CẢNG	Mã số: QT.QLKCHT.01 Lần ban hành 05 Ngày ban hành: 08/4/2025
---	---	--

Biểu mẫu BM.QLKCHT01.DMHS

DANH MỤC HỒ SƠ

TÊN TÀU..... ☐ Tàu biển ☐ PTTNĐ cấp VR-SB

MÃ HỒ SƠ:.....

Stt	Danh mục hồ sơ tàu đến cảng	Có	Không
01	Bản khai an ninh tàu biển		
02	Thông báo tàu đến cảng		
03	Xác báo tàu đến cảng (nếu có)		
04	Kế hoạch điều động (Số lượng:.....)		
05	Bản khai chung		
06	Danh sách thuyền viên		
07	Danh sách hành khách (nếu có)		
08	Bản khai hàng hoá nguy hiểm (nếu có)		
09	Giấy phép rời cảng		
10	Giấy báo tính phí (nếu có)		
11	Thông báo kết quả giải quyết thủ tục tàu thuyền		
12	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)		
13	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu có)		
14	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (nếu có)		
15	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ		
16	Một số giấy tờ khác		

Ghi chú: Mã hồ sơ theo định dạng: CVHHTTH-YYMMDD-000X-TBNC-.....

Trong đó:

- YYMMDD là ngày tiếp nhận hồ sơ, bao gồm 06 ký tự số; trong đó: YY là 02 chữ số cuối của năm, MM là 02 chữ số của tháng, DD là 02 chữ số của ngày.
- XXXX là số thứ tự hồ sơ tiếp nhận trong ngày, gồm 04 ký tự số
-: là địa điểm tiếp nhận hồ sơ, khu vực Thuận An: TA, khu vực Chân Mây: CM, khu vực Cửa Việt: CV, khu vực Cồn Cỏ: CC.